

CÔNG PHẨM TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG DƯỚI TRIỀU LÝ (1009-1225) QUA NGUỒN TƯ LIỆU THƯ TỊCH CỔ CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thu Hiền*¹ và Đặng Thị Lan Huệ²

¹*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,*

²*Trường THPT Mai Hắc Đế, Hà Nội*

Tóm tắt. Bài viết tập trung nghiên cứu những biểu hiện đa dạng về hình thức, cách thức thực hiện công phẩm từ địa phương đối với chính quyền trung ương dưới triều Lý trong khoảng thời gian từ năm 1009 đến năm 1225. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê, đối chiếu so sánh, đánh giá giữa các nguồn tài liệu thư tịch cổ của Việt Nam để tập hợp, phân tích các sự kiện liên quan đến vấn đề công phẩm giữa chính quyền trung ương và địa phương dưới triều Lý. Qua đó, chúng tôi đã tái hiện, hệ thống hoá các sự kiện, nhận xét về tác động của công phẩm trong mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương dưới triều Lý. Kết quả nghiên cứu mang tới những nhận thức mới về hoạt động công phẩm không chỉ dừng lại ở nghĩa vụ của chính quyền địa phương đối với trung ương mà còn là biểu hiện cho những nỗ lực trong quá trình xây dựng thể chế quân chủ tập trung thống nhất của vương triều Lý đồng thời chỉ ra tính đặc thù của từng địa phương trong mối liên hệ với trung ương.

Từ khoá: công phẩm, triều Lý, trung ương, địa phương.

1. Mở đầu

Nguồn tài liệu thư tịch cổ của Việt Nam như *Việt sử lược* [1], *Đại Việt sử ký toàn thư* [2], *Đại Việt sử ký tiền biên* [3] và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [4] là cơ sở dữ liệu quan trọng khi nghiên cứu về lịch sử vương triều Lý nói riêng và lịch sử Việt Nam thời kỳ trung đại nói chung. Trong bài viết “Sự thành lập triều Nguyên (Trung Quốc) qua một số tác phẩm sử học Việt Nam thời phong kiến” (Nguyễn Thu Hiền, 2013) [5] đã đề cập tới giá trị của thư tịch cổ Việt Nam với tư cách là nguồn tư liệu lưu giữ ghi chép sự kiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa địa phương với trung ương dưới triều Lý (1009-1225) đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và nước ngoài trên nhiều phương diện khác nhau.

Thứ nhất, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương thể hiện qua chính sách của vương triều Lý đối với thủ lĩnh các dân tộc miền núi với các sự kiện trấn áp và gả công chúa tiêu biểu như bài viết “Phò mã Thân Cảnh Phúc trong kháng chiến chống Tống” (Phan Huy Lê, 2007) [6], cuốn sách *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý* (Hoàng Xuân Hãn, 2014) [7]. Những công trình trên phân tích biểu hiện khi địa phương có hành động nổi dậy cát cứ thì vương triều Lý ngay lập tức cử quân đội đến trấn trị. Vua Lý thực hiện chính sách hôn nhân, gả công chúa cho những thủ lĩnh địa phương nhằm tăng cường sự kết nối giữa địa phương

Ngày nhận bài: 20/4/2020. Ngày sửa bài: 27/4/2020. Ngày nhận đăng: 10/5/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thu Hiền. Địa chỉ e-mail: hiennt@hnue.edu.vn

và trung ương đồng thời giữ vững an ninh quốc phòng khu vực biên giới của Đại Việt.

Thứ hai, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương dưới triều Lý được phân tích qua góc nhìn về cách thức tổ chức các đơn vị hành chính như bài viết “Tổ chức chính quyền và hành chính của nước Đại Việt dưới thời Lý (1009-1225)” (Đỗ Đức Hùng, 2001) [8], “Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỉ XI” (Keith W.Taylor, 2002) [9]; trong các cuốn sách như *Vương triều Lý* (Nguyễn Quang Ngọc, 2010) [10], *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)* (Nguyễn Minh Tường, 2015) [11]. Các tác giả tập trung làm rõ về phân tầng quản lý các cấp địa phương, tính chất của bộ máy hành chính dưới triều Lý ở vùng miền núi và khu vực đồng bằng. Vương triều Lý luôn nỗ lực thể hiện ảnh hưởng của chính quyền trung ương tới các cấp địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất và tập trung.

Thành quả nghiên cứu trên của các học giả trong nước và nước ngoài là cơ sở quan trọng để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu về quan hệ địa phương – trung ương dưới triều Lý (1009-1225) nhưng trên một khía cạnh khác đó là thông qua hoạt động dâng nộp vật phẩm. Hệ thống sự kiện về hoạt động dâng tặng vật phẩm từ địa phương lên trung ương qua 4 công trình sử học *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* sẽ bổ sung thêm nhận thức về mối quan hệ địa phương – trung ương dưới triều Lý. Lựa chọn bốn công trình trên vừa là công trình biên soạn của cá nhân (*Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký tiền biên*) vừa là công trình biên soạn của Quốc sử quán (*Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*) để so sánh đối chiếu giữa các sự kiện được ghi chép nhằm đảm bảo tính khách quan, khoa học trong nghiên cứu lịch sử.

Những nhận xét về hoạt động dâng tặng vật phẩm từ địa phương lên trung ương dưới triều Lý mang đến cái nhìn đa chiều, toàn diện hơn về bức tranh Đại Việt trong các thế kỉ XI-XIII. Bài viết tập trung lí giải vì sao hoạt động dâng tặng vật phẩm lại có sự khác nhau về số lượng, tần suất giữa các triều vua Lý hay sự khác nhau giữa từng địa phương khi thực hiện hoạt động dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương. Công phẩm có vai trò như thế nào trong thiết lập và duy trì mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương cũng là một vấn đề được làm rõ trong giới hạn phạm vi nghiên cứu của bài viết này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát những tư liệu về cống trong mối quan hệ trung ương – địa phương thời Lý qua một số thư tịch cổ

Theo nghiên cứu của Trần Quốc Vượng thì *Việt sử lược* được biên soạn vào cuối đời Trần khoảng sau năm 1377 [1; tr.6]. Bộ sách này không đề cập đến tên tác giả và thất truyền tại Việt Nam. Cuốn sách do Tuần phủ Sơn Đông thu nhặt và dâng lên triều Thanh. Tiếp đó, Tiền Hi Lộ tự là Tích Chi người Kim Sơn hiệu đính và cuốn sách được in dưới đời vua Càn Long nhà Thanh (1736-1795), lưu tại Thủ sơn các tùng thư và Khâm định tứ khố toàn thư đời Thanh. Theo Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu thì bộ sách này có nguyên đề là *Đại Việt sử lược*. Nhà nghiên cứu Trần Quốc Vượng cho rằng khi nhà Thanh in tác phẩm này đã bỏ đi chữ “Đại” vì “họ vốn khinh ta là một nước nhỏ mà dám tiếm hiệu, xưng đế như Trung Quốc” [1; tr.7]. Bản dịch đầu tiên của Trần Quốc Vượng hoàn thành năm 1959. *Việt sử lược* gồm có 3 quyển, trong đó những ghi chép về triều Lý thể hiện trong quyển 2 và 3 theo thể thứ các vị vua triều Lý. Cách ghi chép về hoạt động dâng tặng vật phẩm của địa phương lên trung ương dưới triều Lý trong *Việt sử lược* rất ngắn gọn mang tính chất thông báo sự kiện mà không gồm theo kiến giải. Theo thống kê của chúng tôi, *Việt sử lược* có 47 sự kiện liên quan đến cống phẩm trong quan hệ giữa địa phương và trung ương. Ưu điểm khi sử dụng bản dịch của Trần Quốc Vượng là nhà nghiên cứu đã cẩn trọng so sánh ghi chép sự kiện giữa *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư*. Đây

chính là cơ sở để chúng tôi đối chiếu giữa các sự kiện ghi chép về hoạt động dâng nộp vật phẩm của địa phương với chính quyền trung ương nhà Lý từ nhiều nguồn thư tịch khác nhau.

Đại Việt sử ký toàn thư do Ngô Sĩ Liên dựa trên *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và *Sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên vào cuối thế kỉ XV. Đến các thế kỉ XVI – XVII, công trình được biên soạn bổ sung thêm một số nội dung khác từ các sử gia Phạm Công Trứ, Lê Hi, Nguyễn Quý Đức. Đây là bộ sử được đánh giá là “bộ sách sử quý báu trong tủ sách cũ của nước Việt Nam, rất cần thiết cho những người nghiên cứu lịch sử dân tộc” [2; tr.7]. *Đại Việt sử ký toàn thư* gồm có phần Ngoại kỉ với 5 quyển và phần Bản kỉ với 19 quyển. Những sự kiện về dâng tặng vật phẩm giữa địa phương với chính quyền trung ương dưới triều Lý ghi chép trong quyển II, quyển III và quyển IV của phần Bản kỉ. Các sự kiện về dâng tặng vật phẩm ghi chép theo thứ tự thời gian dưới từng triều vua với số lượng sự kiện theo thống kê cá nhân của chúng tôi là 46. Điểm khác trong ghi chép giữa *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đó là *Đại Việt sử ký toàn thư* cung cấp thêm nhiều thông tin hơn về hoạt động địa phương thực dâng nộp vật phẩm lên chính quyền trung ương. *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ sử do cơ quan chuyên trách ghi chép về sử đảm nhận, được nhiều sử gia qua các thời kỳ hiệu đính bổ sung. Hệ thống sự kiện trong *Đại Việt sử ký toàn thư* là cơ sở quan trọng để chúng tôi khai thác, phân tích mục đích của hoạt động dâng tặng vật phẩm trong quan hệ giữa địa phương và trung ương dưới triều Lý.

Đại Việt sử ký tiền biên là công trình sử học do cá nhân sử gia Ngô Thì Sĩ (1726-1780) biên soạn và được người con là Ngô Thì Nhậm (1746-1803) biên tập và hiệu đính. Theo lời giới thiệu của nhà nghiên cứu Phan Văn Các thì *Đại Việt sử ký tiền biên* “về phương diện sử liệu, căn bản dựa theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng giá trị chủ yếu ở những bình luận sắc sảo và những vấn đề tác giả nêu lên để đính chính hoặc đánh giá lại” [3; tr.5]. Số lượng sự kiện về cống phẩm trong quan hệ địa phương với chính quyền trung ương dưới triều Lý được ghi chép trong *Đại Việt sử ký tiền biên* chỉ có 9 sự kiện. *Đại Việt sử ký tiền biên* là công trình quan trọng để chúng tôi vận dụng phương pháp đối chiếu so sánh giữa các nguồn sử liệu, phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện có cùng nội dung.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn hoàn thành vào năm 1884 gồm 52 quyển chia thành hai phần Tiền biên và Chính biên, ghi chép về lịch sử Việt Nam từ Hùng Vương đến triều vua Lê Mẫn Đế (1787-1789) [4; tr.9]. Lịch sử vương triều Lý được *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* biên chép từ quyển 2 đến quyển 5 phần Chính biên. Điểm đặc biệt trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đề cập trực tiếp rất ít tới sự kiện về địa phương dâng tặng cống phẩm lên trung ương dưới triều Lý nhưng lại cung cấp nhiều sự kiện liên quan tới các địa phương thực hiện việc dâng tặng vật phẩm. Những dữ kiện này chính là cơ sở để làm rõ vai trò của công phẩm trong duy trì mối quan hệ giữa địa phương và trung ương dưới triều Lý.

2.2. Số lượng và tần suất địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương

Trước hết chúng ta cần làm rõ khái niệm “địa phương” dưới triều Lý (1009-1225). Tổ chức địa phương dưới triều Lý khá đa dạng với các cấp và các tên gọi khác nhau như lộ, phủ, châu, trại, đạo, trấn, hương, quận, huyện, giáp, ấp, trường, xã, phường, thôn, lý và những đơn vị mang tính đặc thù ở vùng miền núi như giang, động, nguồn, sách... Các đơn vị hành chính cấp địa phương trên khác nhau về tên gọi, thời gian xuất hiện, giới hạn phạm vi địa giới, tổ chức quản lý.

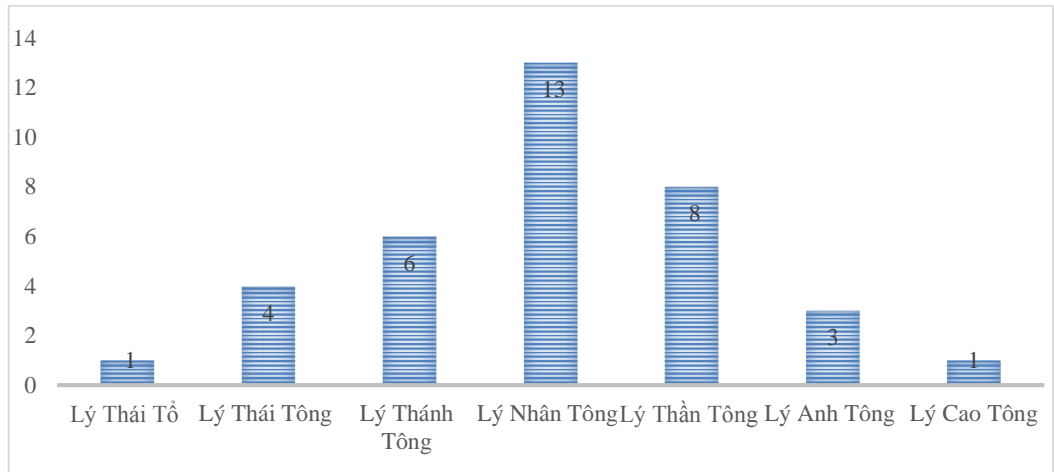
Lộ, phủ, đạo là các đơn vị hành chính địa phương thường xuất hiện ở vùng đồng bằng còn châu chủ yếu xuất hiện ở vùng miền núi và trung du. Trại và trấn thường là đơn vị hành chính được thiết lập ở những vùng biên ải xa xôi, vùng biên giới tiếp giáp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên một số địa phương vùng đồng bằng cũng xuất hiện cấp hành chính châu, trại. Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Tường nhận định “những vùng đất xa kinh đô Thăng Long hay nơi phần lớn là người dân tộc thiểu số cư trú thì được gọi bằng tên châu” [11; tr.356].

Theo ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* thì năm 1010, vua Lý Thái Tổ đổi 10 đạo làm lộ, phủ, châu nhưng trên thực tế đơn vị đạo ở cấp địa phương vẫn tồn tại như đạo Nam Sách, đạo Bắc Giang... Đơn vị hành chính cấp địa phương như trường, nguồn, ấp, động, giang, sách rất khó xác định về phạm vi và quy mô do đặc thù về địa hình cư trú và do thủ lĩnh địa phương quản lí.

Câu hỏi đặt ra là triều đình trung ương nhà Lý có quy định về nghĩa vụ địa phương phải dâng vật phẩm lên triều đình không? Xét trong *Đại Việt sử ký toàn thư* thì năm 1013, triều Lý đã định lệ thuế trong nước bên cạnh thuế ao hồ ruộng đất, tiền và thóc về bãi dâu còn có sản vật ở núi nguồn các phiên trấn, các loại sừng tê ngà voi và các thứ hương trầm của người Man Lão, các thứ gỗ và hoa quả ở đầu nguồn... [2; tr.264, 265]. Theo quy định này thì cống phẩm địa phương phải nộp lên triều đình khá đa dạng nhưng chủ yếu là các sản vật địa phương. Từ sau năm 1013, nhà Lý không ban hành cụ thể thêm quy định về chủng loại và định kỳ địa phương phải nộp vật phẩm. Đến năm 1014, mùa hạ, tháng 4, châu Hoan đã dâng kỳ lân [2; tr.266]. Đây chính là năm đầu tiên ghi nhận hoạt động cống phẩm địa phương nộp lên triều đình nhà Lý.

Khi xét về số lượng và tần suất địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương (số lần địa phương dâng vật phẩm/số năm trị vì của từng triều vua Lý) dựa trên thống kê từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký toàn biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chúng tôi chỉ xét đến những sự kiện có ghi rõ tên địa phương hoặc tên của viên quan trấn trị cấp địa phương đó. Nếu xét theo tiêu chí này thì sự kiện cuối cùng ghi chép về địa phương dâng tặng vật phẩm là năm 1186 dưới triều vua Lý Cao Tông (1176-1210).

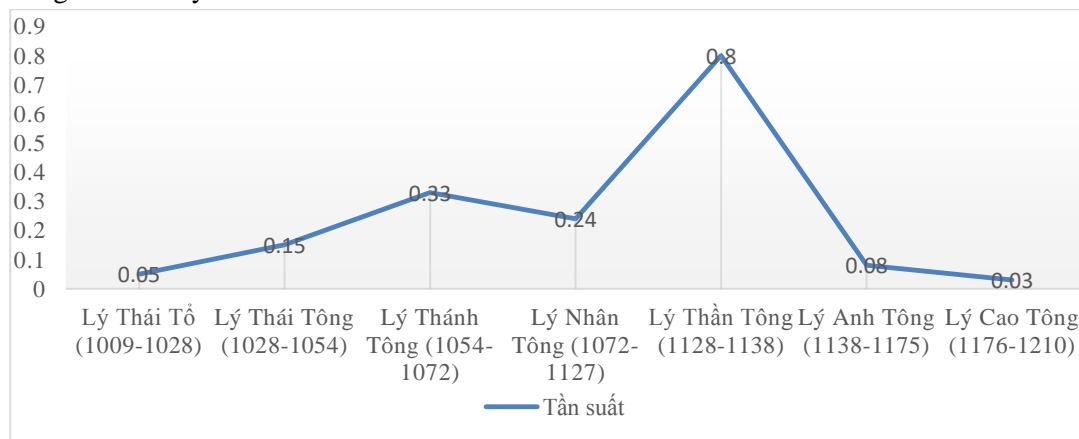
Căn cứ thống kê sự kiện theo tiêu chí trên từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký toàn biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chúng tôi có Biểu đồ 1 và Biểu đồ 2 dưới đây.



Biểu đồ 1. Số lần địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương triều Lý (1009-1225)

Qua hai Biểu đồ, chúng ta nhận thấy có 7 vị vua đầu tiên của triều Lý gồm có vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông, Lý Anh Tông và Lý Cao Tông đã tiếp nhận vật phẩm từ địa phương với tổng số là 36 lần. Số lượng địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới từng triều vua Lý không giống nhau. Có những vị vua Lý như Lý Thái Tổ hay Lý Cao Tông chỉ tiếp nhận 1 lần địa phương vào các năm lần lượt là 1014 và 1186 có ghi tên cụ thể về đơn vị hành chính hoặc tên thủ lĩnh đứng đầu địa phương. Hai vị vua cuối cùng của nhà Lý là Lý Huệ Tông (1210-1225) và Lý Chiêu Hoàng (1225) sử cũ không ghi chép sự kiện nào tiếp nhận vật phẩm từ địa phương. Đây chính là giai đoạn vương triều Lý đối diện với tình trạng cát cứ ở nhiều địa phương với các thế lực của họ Đoàn (khu vực Hải Dương, Hải Phòng), họ Trần (ở khu vực Thái Bình, Nam Định, Nam Hưng Yên), họ Nguyễn (ở khu vực Quốc Oai, Hà Nội). Từ sau năm 1211, triều đình nhà Lý thực chất chỉ còn

kiểm soát vùng xung quanh Thăng Long [10; tr.246]. Ngoài ra còn có các thế lực như Ô Kim hầu Nguyễn Bát (thuộc miền Hoài Đức, Hà Nội), dòng họ Hà (vùng Quy Hoá – Tuyên Quang), họ Phí ở Đại Hoàng (Ninh Bình)... Thực tế rối ren ở các địa phương chính là câu trả lời cho hoạt động dâng vật phẩm từ địa phương lên trung ương hoàn toàn vắng bóng dưới hai triều vua cuối cùng của nhà Lý.



Biểu đồ 2. Tần suất địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225)

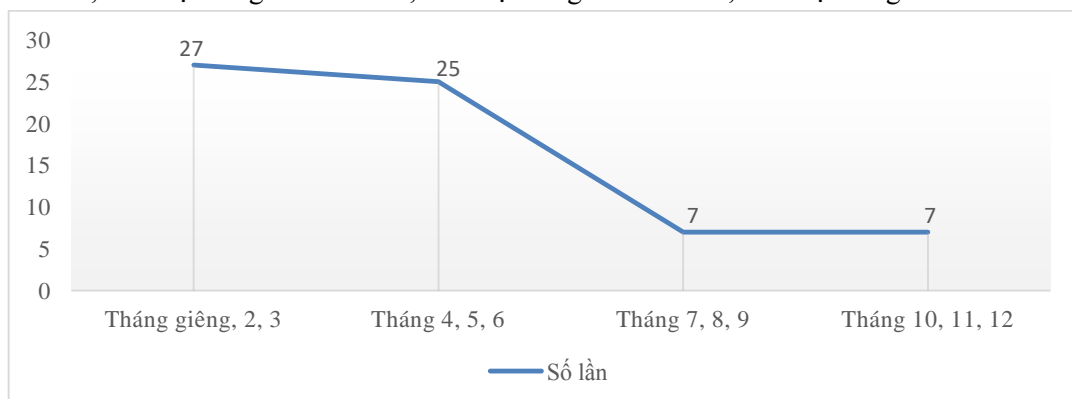
Trong khi đó, vua Lý Nhân Tông lại trở thành vị vua có số lần nhận vật phẩm từ địa phương nhiều nhất với 13 lần vào các năm 1072, 1073, 1079, 1111, tháng giêng năm 1117, tháng 4 năm 1117, tháng 5 năm 1117, 1120, 1122, tháng 4 năm 1124, tháng 7 năm 1124, 1125, 1127. Đây cũng là điều hoàn toàn dễ hiểu vì thời gian trị vì của vua Lý Nhân Tông kéo dài đến 55 năm. Bên cạnh đó, vua Lý Nhân Tông đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống, là vị vua có tầm ảnh hưởng lớn đối với chính sách đoàn kết toàn dân đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Vua Lý Nhân Tông đã gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh năm 1082 và công chúa Diên Bình cho thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh năm 1127.

Xét về số lần địa phương dâng tặng vật phẩm lên chính quyền trung ương trung bình theo năm trị vì của từng vị vua Lý thì ta thấy điểm thú vị là vua Lý Nhân Tông dù có số lần địa phương dâng vật phẩm nhiều nhất nhưng không phải là vị vua có tần suất địa phương dâng vật phẩm thường xuyên nhất (0,24 lần/năm). Hoạt động dâng tặng vật phẩm từ địa phương lên trung ương diễn ra đều đặn nhất dưới triều vua Lý Thần Tông (0,8 lần/năm). Triều vua Lý Thánh Tông cũng có số lần địa phương dâng vật phẩm lên tới 0,39 lần/năm. Ba vị vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông và Lý Thần Tông đều là những vị vua trị vì trong giai đoạn vương triều Lý đạt nhiều thành tựu quan trọng trong trị nước và giữ vững toàn vẹn lãnh thổ.

Điểm đặc biệt về thời gian thực hiện hoạt động dâng vật phẩm từ địa phương lên chính quyền trung ương thường diễn ra vào một số thời điểm nhất định vào mùa xuân (tháng giêng, tháng 2, tháng 3); mùa hạ (tháng 4, tháng 5, tháng 6); mùa thu (tháng 7, tháng 8, tháng 9) và mùa đông (tháng 10, tháng 11, tháng 12).

Tháng giêng – tháng khởi đầu của một năm mới là khoảng thời gian được nhiều địa phương lựa chọn nhất khi dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương. Chính chi tiết này thể hiện rõ yếu tố kỳ hạn trong “công phẩm” từ địa phương lên chính quyền trung ương dưới triều Lý. Đó là dù triều Lý chưa từng ban hành quy định về thời gian địa phương phải dâng vật phẩm nhưng các địa phương về cơ bản đã lựa chọn kỳ công là đầu năm ví dụ như mùa xuân năm 1060, mùa xuân năm 1062, mùa xuân tháng giêng năm 1068, mùa xuân tháng 2 năm 1068, mùa xuân năm 1111, mùa xuân năm 1140, mùa xuân năm 1146, mùa xuân năm 1154... Kể đến mùa 144

hệ cũng là thời điểm nhiều địa phương lựa chọn dâng vật phẩm như mùa hạ tháng 6 năm 1034, mùa hạ tháng 5 năm 1039, mùa hạ tháng 4 năm 1072, mùa hạ tháng 5 năm 1117, mùa hạ tháng 6 năm 1120, mùa hạ tháng 5 năm 1122, mùa hạ tháng 4 năm 1124, mùa hạ tháng 5 năm 1130...

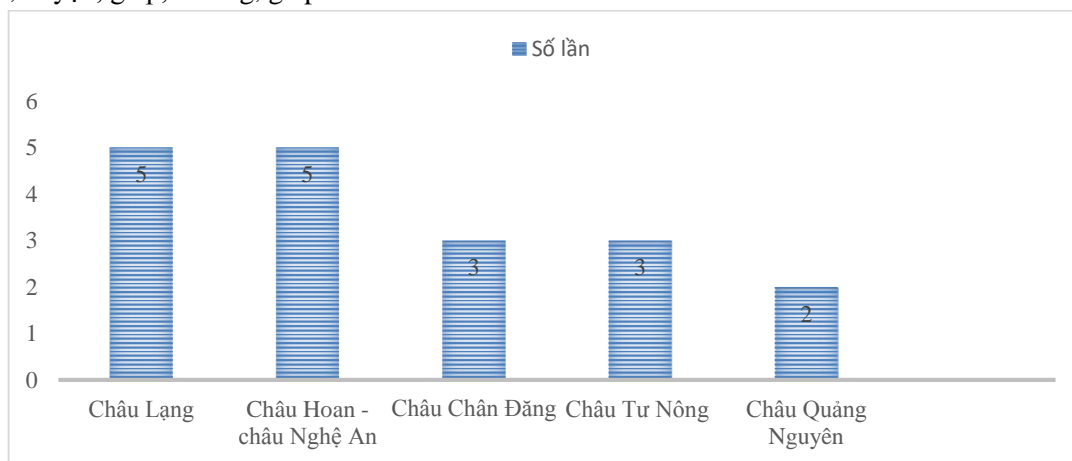


Biểu đồ 3. Số lần địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225) theo mùa trong năm

2.3. Đối tượng dâng vật phẩm từ địa phương lên trung ương

Khi tìm hiểu về cống phẩm trong mối quan hệ giữa địa phương và trung ương dưới triều Lý chúng tôi nhận thấy đối tượng thực hiện dâng vật phẩm có thể xếp thành hai nhóm như sau: Nhóm thứ nhất, địa phương được ghi tên cụ thể và cá nhân đảm nhận chức quan địa phương. Nhóm thứ hai, cá nhân không đảm nhận chức quan tại địa phương hoặc không ghi rõ tên khi dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương.

Về nhóm đối tượng thứ nhất, dựa trên thống kê sự kiện từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký toàn biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, chúng tôi nhận thấy nhóm địa phương được ghi tên cụ thể chủ yếu ở cấp đơn vị hành chính địa phương là châu, phủ, quận, huyện, giáp, trường, giáp.



Biểu đồ 4. Số lần một số châu tiêu biểu dâng tặng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225)

Về đơn vị hành chính địa phương cấp châu, có 5 châu được nhắc đến từ hai lần trở lên thực hiện dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương gồm có châu Lạng, châu Hoan - châu Nghệ An (theo *Đại Việt sử ký toàn thư* năm 1036 nhà Lý đặt hình dinh ở châu Hoan, đổi tên châu Hoan thành Nghệ An [2; tr.292]; theo *Việt sử lược* thì năm 1101 đổi Hoan Châu làm phủ Nghệ An [1; tr.109]), châu Chân Đẳng, châu Tư Nông, châu Quảng Nguyên. Theo thống kê trong *Việt sử*

lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký toàn biên và Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Biểu đồ 4).

Căn cứ vào biểu đồ trên chúng ta nhận thấy châu Lạng và châu Hoan – Nghệ An là địa phương có số lần dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương nhiều nhất là 5 lần (châu Lạng: 1072, 1079, 1117, 1146, 1154; châu Hoan – Nghệ An: 1014 (Sự kiện này *Việt sử lược* chép là châu Ly còn *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt sử ký tiền biên* chép là châu Hoan), 1029, 1034, 1134, 1132). Châu Lạng dâng vật phẩm lên vua Lý Nhân Tông (3 lần dâng vật phẩm) và vua Lý Anh Tông (2 lần dâng vật phẩm). Mỗi liên hệ giữa châu Lạng với triều Lý bị ngắt quãng vào triều vua Lý Thần Tông. Châu Lạng trong mối quan hệ với chính quyền trung ương nhà Lý khá đặc biệt. Theo nhà nghiên cứu Trần Xuân Hãn thì châu Lạng tương ứng với vùng đất Lạng Sơn ngày nay, là một châu tiếp giáp với biên giới của nhà Tống [7; tr.97] và “trong các châu ở biên giới, Lạng Châu là quan trọng hơn cả, vì vừa ở gần kinh kỳ, vừa ở trên đường bộ từ Tống sang ta” [7; tr.83]. Từ năm 1060, người đứng đầu châu Lạng là Thân Thiệu Thái đã giúp vua Lý trấn áp và bắt giữ những người chạy trốn sang đất Tống [1; tr.92]. Dòng họ Thân vùng đất châu Lạng từng ba đời làm phò mã dưới triều Lý: vua Lý Thái Tổ gả công chúa cho Giáp Thừa Quý, họ Giáp đổi sang họ Thân; con Thừa Quý là Thừa Thái lấy con gái vua Lý Thái Tông; con Thiệu Thái là Cảnh Long lấy con gái vua Lý Thánh Tông. Quan hệ hôn nhân đã củng cố sợi dây liên kết giữa châu Lạng và chính quyền trung ương nhà Lý. Hoạt động dâng vật phẩm của châu Lạng lên chính quyền trung ương chính là minh chứng sinh động cho quan hệ tốt đẹp giữa vùng biên viễn xa xôi với chính quyền trung ương nhà Lý.

Trong công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời* (Đào Duy Anh, 2015) [12], vào năm 1036, châu Hoan đổi thành châu Nghệ An, đến năm 1101 thăng châu Nghệ An thành phủ Nghệ An [12; tr.121] tương ứng với khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Điểm đặc biệt của châu Hoan là vùng đất phía Nam gần tiếp giáp với lãnh thổ của Champa. Đây chính là vùng đất biên viễn xa xôi phía Nam chịu sự quản lý của chính quyền trung ương nhà Lý. Hai vị vua đầu tiên của nhà Lý là Lý Thái Tổ và Lý Thái Tông đều tiếp nhận vật phẩm từ châu Hoan. Tuy nhiên đến tận triều vua Lý Thần Tông, sau khi châu Hoan đổi thành phủ Nghệ An thì mới bắt đầu lại hoạt động dâng vật phẩm cho vua Lý Thần Tông. Như vậy, dưới hai triều vua Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông, châu Hoan không có mối liên hệ với chính quyền trung ương.

Châu Chân Đãng (Lâm Thao, Phú Thọ) ba lần dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương lại đều đặn dưới các triều vua Lý Thánh Tông (1068), Lý Thần Tông (1132) và Lý Anh Tông (1140). Châu Tư Nông hay Tây Nông thuộc vùng Thái Nguyên [1; tr.137]. Châu Tư Nông dâng vật phẩm chỉ với 2 triều vua Lý là Lý Nhân Tông (1117, 1127) và vua Lý Thần Tông (1129). Chỉ với ba lần dâng vật phẩm nhưng thủ lĩnh châu Tư Nông đã thể hiện ý nguyện trung thành với chính quyền trung ương. Vào năm 1039 thủ lĩnh châu Tư Nông đã đem việc Nùng Tôn Phúc làm phản cấp báo lên triều đình [4; tr.297]. Sự kiện này phản ánh mối liên hệ mật thiết giữa địa phương với chính quyền trung ương.

Châu Quảng Nguyên thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng ngày nay là địa phương có mối liên hệ rất đặc biệt với chính quyền trung ương nhà Lý. Đây chính là vùng đất ngay từ đầu triều Lý do dòng họ Nùng quản lý. Tháng 12 năm 1038, Nùng Tôn Phúc cùng Tôn Lộc, Đương Đạo nổi dậy cát cứ “sửa đồ giáp binh, xây đắp thành trì, làm kế tự chủ; từ bấy giờ không tiến cống” [4; tr.297]. Ngay sau sự kiện Nùng Tôn Phúc tạo phản thì động Kiến Vũ thuộc châu Quảng Nguyên đã dâng khối vàng nặng tới 112 lạng lên triều đình để thể hiện lòng trung thành [2; tr.297]. Sự kiện này cho thấy ngay trong một cấp hành chính địa phương là châu Quảng Nguyên nhưng không phải tất cả các động đều theo Nùng Tôn Phúc tạo phản. Hiện tượng cát cứ của Nùng Tôn Phúc không nhận được sự ủng hộ của tất cả các động thuộc châu Quảng Nguyên.

Con của Nùng Tôn Phúc là Nùng Trí Cao chạy thoát trong cuộc trấn áp của vua Lý Thái Tông đã tiếp tục gây dựng lực lượng gây xáo trộn vùng biên giới phía Bắc tiếp giáp với nhà

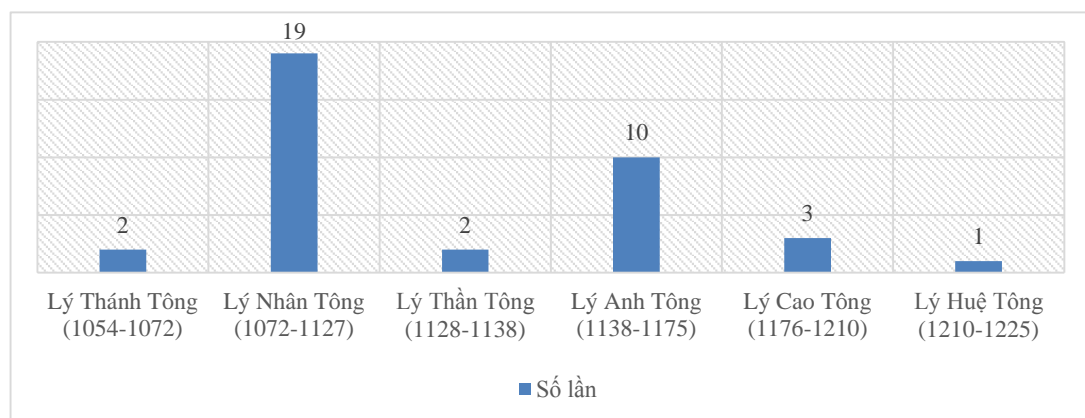
Tổng. Nàng Trí Cao sau chạy vào nước Đại Lý (thuộc Vân Nam ngày nay, phía Tây Côn Minh) và mất tại đây. Năm 1124, thủ lĩnh đứng đầu châu Quảng Nguyên là Dương Tự Hưng dâng vật phẩm lên triều Lý đánh dấu mối quan hệ tốt đẹp giữa địa phương với chính quyền trung ương.

Các châu từng 1 lần dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương nhà Lý gồm có châu Vị Long (1060), châu La Thuận (1061), châu Kỳ Lang (1068), châu Phong (1073). Bên cạnh cấp châu, các địa phương như phủ Trường Yên (1028), phủ Thanh Hoá (1111); quận Gia Lâm (1062); huyện Đô Lạp (1068); giáp Thái Đường (1117), người đứng đầu giáp là Quản giáp nội tác Chu Thủy (1130), Quản giáp Phù Thu Liễu là Phí Nguyên (1130); trường Quang Lang (1128)... cũng dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương.

So sánh về quy mô của các cấp hành chính địa phương dưới triều Lý, từ cấp địa phương lớn như phủ đến các cấp địa phương nhỏ hơn như châu, giáp... đều thực hiện dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương. Địa phương dù thực hiện việc dâng tặng vật phẩm lên chính quyền trung ương nhiều nhất như châu Lạng hay châu Hoan – Nghệ An cũng không thể thực hiện liên tục kế tiếp nhau qua các triều vua Lý mà vẫn có giai đoạn mỗi liên hệ bị ngắt quãng. Mặt khác, đa phần các cấp địa phương còn lại chỉ dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương có 1 lần và chỉ dưới 1 triều vua Lý. Đặc điểm này cũng có thêm nhận định về thực trạng quản lý của triều đình nhà Lý đối với cấp địa phương dù thực hiện nhiều biện pháp nhưng chưa thể quản lý trực tiếp đến tất cả các đơn vị hành chính địa phương. Một số đơn vị hành chính địa phương như châu, động, giáp... vẫn giữ tính đặc thù khép kín của mình trong mối quan hệ với chính quyền trung ương. Tìm hiểu hoạt động dâng vật phẩm từ địa phương lên trung ương qua trường hợp châu Lạng và châu Hoan – Nghệ An đã khẳng định sự nỗ lực của triều Lý trong việc kiểm soát vùng biên viễn xa xôi dù phía Bắc hay phía Nam của Đại Việt.

Xét nhóm đối tượng thứ hai dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương không phải là quan lại địa phương được nêu cụ thể trong *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* gồm có nhà sư, người phụ nữ, người nông dân, người giữ voi. Cụ thể như nhà sư chùa Tê Thánh huyện Thái Bình dâng lên vua Lý Thái Tông chim sẻ trắng năm 1015 [2; tr.266], Quán đình tăng là Nguyễn Minh dâng vua Lý Thần Tông chim sẻ trắng năm 1135 [2; tr.375], nhà sư Vương Ái dâng vua Lý Nhân Tông cây cau 1 gốc 7 thân năm 1121 [2; tr.349]; người nông dân dâng vua Lý Thái Tông một cây lúa chiêm có 9 bông thóc khi nhà vua đi cày ruộng tịch điền tại Tín Hương ở Đỗ Động giang vào năm 1032 [2; tr.287]; người phụ nữ họ Đào tại châu Chân Đăng dâng con gái và được vua Lý Thái Tông nhận làm phi vào tháng 3 năm 1033 [2; tr.288], người đàn bà họ Hoàng dâng con chim phượng con với lông cánh có đủ 5 sắc chín bảo lên vua Lý Nhân Tông năm 1110 [1; tr.112]; người giữ voi là Chu Hội dâng rùa trắng lên vua Lý Thần Tông năm 1129 [2; tr.368]. Như vậy thành phần cư dân không phải là quan lại địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương triều Lý rất đa dạng, không phân biệt về tín ngưỡng – tôn giáo, về giới tính, về thành phần xuất thân. Họ có thể là bất kỳ ai trong các tầng lớp nhân dân nếu có vật phẩm quý hiếm đều dâng lên chính quyền trung ương. Việc dâng vật phẩm trong trường hợp này mang tính tự phát và tự nguyện, không thuộc nghĩa vụ quy định trách nhiệm của triều đình đối với người dân địa phương. Tìm hiểu hoạt động dâng vật phẩm của nhóm đối tượng thứ hai này mang đến nhận thức khách quan về sự hậu thuẫn của nhân dân đối với vương triều Lý. Từ vua Lý Thái Tông đến vua Lý Anh Tông đều tiếp nhận nhiều lần vật phẩm trong nhân dân. Nhưng đến vua Lý Cao Tông và vua Lý Huệ Tông thì thưa vắng dần. Sự kiện cuối cùng người dân dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương là vào năm 1188 dưới triều vua Lý Huệ Tông có người dâng con quạ trắng [1; tr.160]. So sánh với sự kiện cuối cùng có biên chép cụ thể địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1186) như kết quả nghiên cứu đề cập đến ở mục 2.2 thì sự kiện người dân dâng vật phẩm lên triều đình diễn ra muộn hơn 2 năm.

Theo thống kê từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* về hoạt động dâng vật phẩm của cá nhân không ghi rõ tên địa phương và không phải là quan cai trị địa phương chúng ta có biểu đồ sau:



Biểu đồ 5. Số lần các nhân không xác định rõ địa phương và không đảm nhận chức qua tại địa phương dâng vật phẩm lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225)

Căn cứ biểu đồ trên chúng ta nhận thấy nhóm đối tượng không được ghi chép cụ thể tên và thành phần xuất thân thực hiện hoạt động dâng vật phẩm có sự khác nhau đối với từng triều vua Lý. Vua Lý Nhân Tông nhận được nhiều nhất là 19 lần cư dân địa phương dâng vật phẩm, tiếp đến là vua Lý Anh Tông với 10 lần. Kết quả nghiên cứu này tiếp tục khẳng định mối quan hệ tốt đẹp giữa địa phương và chính quyền trung ương dưới triều vua Lý Nhân Tông và Lý Anh Tông. Khi vương triều Lý dần rơi vào khủng hoảng thì người dân địa phương cũng không còn thực hiện dâng tặng vật phẩm cho vua Lý Chiêu Hoàng.

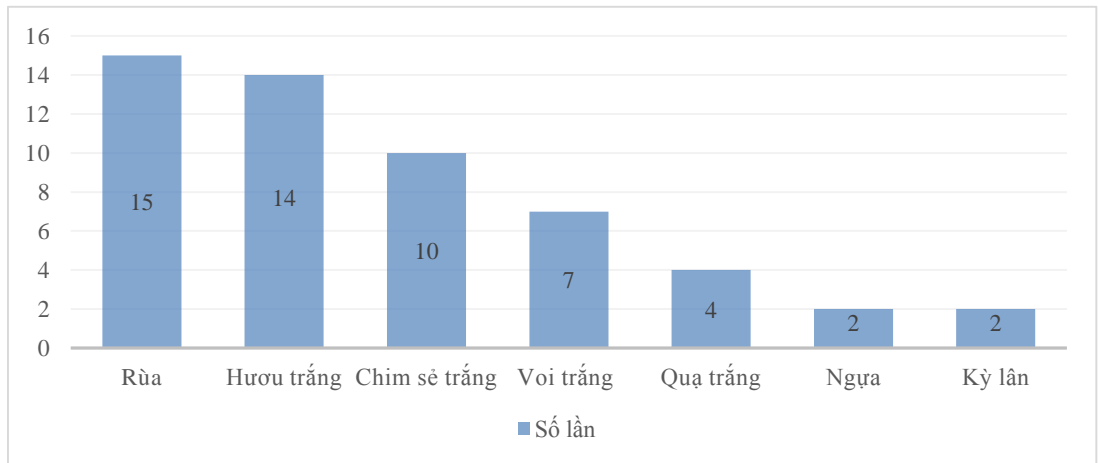
Mục đích dâng tặng vật phẩm của hai nhóm đối tượng trên có sự khác biệt. Nhóm đối tượng được ghi chép địa phương cụ thể hoặc thủ lĩnh cai quản địa phương dâng tặng vật phẩm là hành động thực hiện nghĩa vụ của địa phương với chính quyền trung ương như quy định năm 1013 của vua Lý Thái Tổ. Đây được coi là hình thức thể hiện trách nhiệm của phiên thần đối với triều đình. Khi địa phương cát cứ đồng nghĩa với hành động chấm dứt không thực hiện dâng nộp vật phẩm. Điều này thể hiện rõ qua ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* chép về cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao: trước năm 1039, Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thăng Do, em là Tồn Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai, em vợ của Tồn Phúc là Đương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lặc, đều thuộc châu Quảng Nguyên, hàng năm nộp đồ thổ sản. Sau Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Đương Đạo kiêm tính các đất, tiếm xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, lập A Nùng làm Minh Đức hoàng hậu, phong con Trí Thông làm Nam Nha vương, đổi châu ấy làm nước Tồn Sinh, sửa sang binh giáp, đắp thành kiên cố để tự giữ, không nộp cống xưng thần nữa” [2; tr.295, 296]. Như vậy nộp vật phẩm chính là biểu hiện cho lòng trung thành của địa phương đối với chính quyền trung ương.

Mục đích dâng tặng vật phẩm của nhóm đối tượng thứ hai mang tính cá nhân, tự phát, tự nguyện xuất phát từ sự ngưỡng vọng của người dân địa phương đối với chính quyền trung ương; thể hiện tình cảm và sự gắn kết của người dân địa phương đối với chính quyền trung ương nhà Lý.

2.4. Vật phẩm địa phương dâng lên chính quyền trung ương

Nhìn lại quy định năm 1013 của vua Lý Thái Tổ trong đối chiếu với hệ thống sự kiện về cống phẩm từ địa phương lên trung ương qua nguồn thư tịch cổ, chúng tôi nhận định rằng cống phẩm chủ yếu là những vật phẩm quý hiếm và lạ như muông thú, cây cối bên cạnh vật phẩm có giá trị như vàng hay thậm chí con người cũng trở thành vật phẩm để thiết lập quan hệ giữa địa phương với trung ương.

Dựa theo kết quả thống kê trong *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chúng tôi lập biểu đồ sau:



Biểu đồ 6. Một số loài muông thú địa phương dâng lên chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225)

Căn cứ biểu đồ trên, rùa là loài vật được các địa phương dâng lên chính quyền trung ương nhiều nhất với mong muốn về sự trường tồn của các vị vua Lý trong quá trình cai trị đất nước. Loài rùa được dâng lên còn mang đặc điểm dị biệt như 3 chân, 6 con người. Vào các năm 1099, 1114 người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông rùa 6 con người. Rùa 3 chân mất 6 con người được quận Gia Lâm dâng lên vua Lý Thánh Tông vào mùa xuân năm 1062 [1; tr.93] và người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông tháng 11 năm 1116 [1; tr.115]; rùa mất có 6 con người, trên ức có hai chữ “thiện đế” được người dân địa phương không rõ họ tên dâng lên vua Lý Nhân Tông vào mùa hạ tháng 4 năm 1117 [1; tr.115], Chủ đô giáp Nội tác giám là Tô Ông dâng vua Lý Nhân Tông vào tháng 7 năm 1124 [2; tr.352]. Điểm đặc biệt thêm là trên ngực loài rùa được dâng tặng lên vua Lý thường có khắc chữ như chữ “thiện đế” năm 1117 dâng vua Lý Nhân Tông; chữ “đi hành pháp công” năm 1143 dâng vua Lý Anh Tông [1; tr.144]; chữ “vương dĩ bát vạn” năm 1150 dâng vua Lý Anh Tông [1; tr.147] hoặc rùa gáy có vẩy đỏ, bụng có đủ 5 màu sắc, đầu cái đuôi có cựa lên vua Lý Anh Tông năm 1166 [1; tr.151]. Ý nghĩa tựu chung của những dòng chữ khắc trên ngực rùa đều biểu thị cho mong muốn về sự trường tồn, sự cai trị anh minh của vua Lý đối với nhân dân.

Màu trắng và màu vàng được vua Lý coi là điềm lành (Trong ngũ hành, màu trắng không phải là màu của điềm lành. Nhưng xét về vật phẩm cụ thể địa phương dâng lên các triều vua Lý có nhiều vật phẩm mang màu trắng đã thể hiện được quan niệm riêng của các vị vua triều Lý đối với màu sắc của vật phẩm tiến công từ địa phương) như ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* vào tháng 12 năm 1131 khi Nguyễn Mãi ở hương Thái Bình dâng hươu trắng và Bình tả vũ tiệp là Đỗ Khánh dâng các hầu sắc vàng “vua cho là điềm lành, xuống chiếu cho các quan dâng biểu mừng” [2; tr.372]. Màu sắc của các loài như hươu, voi, chim sẻ, quạ khi dâng lên chính quyền trung ương thường có màu trắng. Màu vàng của thú lạ được ghi chép lại trong số vật phẩm địa phương dâng vua Lý chỉ có 2 sự kiện sau: mùa thu tháng 7 năm 1117 có người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông con rùa vàng [1; tr.114], Quán giáp Nội tác là Chu Thủy dâng cá riếc vàng lên vua Lý Thần Tông năm 1130 [2; tr.369]. Ngoài ra, loài hươu đen cũng được nhắc tới ở các sự kiện: năm 1117 có người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông [1; tr.115]; châu mục châu Chân Đẳng là Lê Pháp Quốc dâng vua Lý Thần Tông năm 1132 [2; tr.372]....

Như vậy khi dâng vật phẩm, địa phương đã thể hiện ý niệm cầu chúc sự tốt lành, vững bền dành cho chính quyền trung ương. Các loài vật được lựa chọn để dâng vật phẩm có thể được lựa chọn theo 1 quy chuẩn về tâm linh báo hiệu điềm lành bên cạnh yếu tố dị biệt của loài vật. Loài ngựa đặc biệt là những con ngựa có đặc điểm khác lạ được vua Lý coi như biểu tượng của thần linh như sự kiện năm 1013 dưới triều vua Lý Thái Tổ “bấy giờ trong tàu ngựa có con ngựa bạch, khi xe vua sắp đi thì nó hí lên trước, vua sai là Bạch Long thần mã” [3; tr.240].

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sau khi châu Chân Đẳng dâng 2 con voi trắng năm 1068, vua Lý Thánh Tông “tự cho là điềm lành, do đó đổi niên hiệu” (Đổi niên hiệu năm Mậu Thân 1068 là năm Hi Ninh thứ nhất) [4; tr.326]. Ngoài ra các con vật như kỳ lân, phượng hoàng theo sử thần Ngô Thi Sĩ “vì người ta không thường thấy nên cho là điềm lành” [3; tr.241]. Kỳ lân là loài vật được Châu Hoan dâng lên vua Lý Thái Tổ năm 1014 [3; tr.241] và vua Lý Thái Tông vào tháng 8 năm 1029 [1;tr.80]. Nhà nghiên cứu Đinh Hồng Hải đã đưa ra luận giải cá nhân về sự tồn tại của Kỳ lân và phượng như một biểu tượng đặc trưng của nền văn hoá Việt Nam. Tác giả cho rằng kỳ lân là cách gọi khác của “ly” hay “lân mã”, “long mã”. “Lân mã có thân giống thân ngựa, đầu thường được mô tả dưới dạng đầu rồng với mũi sư tử, trán to, miệng rộng, có bờm và râu... Thân của lân mã thường được mô tả dưới dạng có vẩy như vẩy tê, trên sống lưng có gai kỳ nhông và đuôi là đuôi trâu” [13; tr.49-50]. Có ý kiến cho rằng phượng hoàng là loài vật không có thật, nhưng theo nhà nghiên cứu Đinh Hồng Hải thì “Ngay từ thuở sơ khai, phượng hoàng đã nổi lên như một loài chim đẹp đẽ, mạnh mẽ và linh thiêng” [13; tr.60]. “Phượng là một loài chim đẹp và lớn, đặc biệt phượng lại là một loài ăn thực vật nên phượng còn được xem như một loài chim trong sạch, thanh khiết... xứng đáng được “sánh vai” với rồng trong bộ tứ linh” [13; tr.62].

Khi nhà vua nhận thấy vật phẩm địa phương dâng không mang điềm lành thì vua Lý có thể từ chối. Khảo sát từ *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chỉ xác nhận duy nhất 1 lần vua Lý Nhân Tông vào tháng 3 năm 1121 từ chối cây cau 1 gốc 7 thân do nhà sư Vương Ái dâng “khi Thái sư Trần Độ cho rằng vật này không lấy gì làm điềm tốt thì vua Lý Nhân Tông đã không tiếp nhận vật phẩm này” [2; tr.349].

Trong các vật phẩm địa phương dâng lên chính quyền trung ương dưới triều Lý bên cạnh muông thú lạ còn có nhiều loại cây quen thuộc trong hoạt động trồng trọt nhưng mang đặc điểm khác lạ như cây cau 1 gốc 9 thân phủ Thanh Hoá dâng vua Lý Nhân Tông năm 1111 [1; tr.112]; cỏ chi, hoa ưu đàm (hoa sung) người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông năm 1112; hoa cà kết 3 quả người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Nhân Tông năm 1115 [1; tr.114]; giống lúa cả bông dài 7 thước 5 tấc người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Cao Tông năm 1184 [1; tr.159].

Bên cạnh muông thú, cây cối; con người cũng trở thành vật phẩm dâng lên vua Lý. Đó có thể là người con gái của người phụ nữ họ Đào dâng lên vua Lý Thái Tông vào năm 1033; đó là tù binh Chiêm Thành như sự kiện Lệnh thư gia châu Nghệ An dâng vua Lý Thần Tông 3 người Chiêm Thành vào tháng 9 năm 1132 [2; tr. 372]. Thân xác của nhà sư sau khi qua đời kết tinh thành xá lị là vật phẩm quý vua Lý coi là điềm lành. Nhà sư chùa Tề Thánh huyện Thái Bình dâng lên vua Lý Thái Tổ hòm đựng xá lị năm 1015 [2; tr.266]. Lý giải thêm về vật phẩm xá lị trong quan niệm của vua nhà Lý, *Đại Việt sử ký toàn thư* có biên chép về sự kiện: năm Giáp Tuất 1034, vua Lý Thái Tông đổi niên hiệu thành Thông Thụy vì sự kiện hai nhà sư là Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm tự thiêu kết thành thất bảo, vua xuống chiếu đem thất bảo ấy giữ ở chùa Trường Thánh để thờ “Vua cho là việc kỳ dị, đổi niên hiệu là Thông Thụy” [2; tr.289]. Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn thêm dưới sự kiện như sau: “Thuyết nhà Phật gọi là xá lị tức là khi tự thiêu mình, tinh khí tụ lại mà kết thành một thứ lửa không cháy được, cho nên gọi là bảo. Tương truyền là người nào học Phật thành thì xác hoá làm bảo như thế” [2; tr.289].

Vật phẩm từ địa phương dâng lên chính quyền trung ương không thể thiếu những vật phẩm có giá trị lớn như vàng, ngọc, châu báu: tháng 5 năm 1039, động Vũ Kiến thuộc châu Quảng Nguyên “dâng khối vàng sòng nặng 112 lạng” [2; tr.297]; tháng 3 năm 1127, thủ lĩnh châu Tư Nông là Dương Tuệ “dâng hai khối vàng sòng trường thọ” [2; tr.356]; năm 1130, đại thủ lĩnh châu Tư Nông là Hà Văn Quảng “dâng hai khối vàng sòng, cộng nặng 33 lạng 5 đồng cân” [2; tr.367]; mùa hạ tháng 6 năm 1063 có người dân địa phương không rõ họ tên dâng vua Lý Thánh Tông ngọc [1; tr.93]; tháng 2 năm 1122, nhà sư Dương Tu dâng vua Lý Nhân Tông một đôi ngọc bích trắng [2; tr.349].

3. Kết luận

Thứ nhất, hoạt động cống phẩm từ địa phương dâng lên chính quyền trung ương diễn ra chủ yếu từ triều vua Lý Thái Tổ đến triều vua Lý Cao Tông với số lượng và tần suất khác biệt. Vua Lý Nhân Tông có số lần tiếp nhận vật phẩm từ địa phương lên chính quyền trung ương nhiều nhất so với các vị vua còn lại của triều Lý. Vua Lý Thần Tông tiếp nhận vật phẩm từ địa phương với tần suất trung bình cao nhất gần 1 lần/1 năm. Hai triều vua cuối cùng của nhà Lý là Lý Huệ Tông và Lý Chiêu Hoàng hoạt động dâng vật phẩm từ địa phương dường như biến mất cùng sự khủng hoảng cuối vương triều với sự nổi dậy của các thế lực cát cứ địa phương. Thời gian các địa phương lựa chọn dâng vật phẩm thường là vào mùa xuân vào những tháng khởi đầu cho năm mới.

Thứ hai, các địa phương thuộc vùng biên viễn phía Bắc như châu Lạng hay biên viễn phía Nam như châu Hoan đều có số lần dâng vật phẩm lớn hơn các địa phương khác được ghi chép trong nguồn thư tịch cổ của Việt Nam. Thực tế này đã khẳng định vị thế và sức ảnh hưởng trong nỗ lực quản lý các cấp địa phương dù vùng biên viễn phía Bắc hay phía Nam của các vị vua triều Lý như Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông.

Thứ ba, đối tượng thực hiện dâng vật phẩm từ địa phương lên chính quyền trung ương dưới triều Lý gồm có hai nhóm đối tượng với mục đích khác nhau. Nhóm đối tượng là các địa phương được ghi rõ tên gọi hoặc thủ lĩnh trấn trị địa phương dâng vật phẩm chính là thực hiện nghĩa vụ của địa phương đối với chính quyền trung ương, thực hiện trách nhiệm của phiên thần đối với triều đình. Nhóm đối tượng là các cá nhân không ghi rõ họ tên và địa phương thực hiện dâng tặng vật phẩm mang tính chất tự nguyện và tự phát, không theo định lệ hay định kỳ hạn của nhà nước.

Thứ tư, vật phẩm từ địa phương dâng lên chính quyền trung ương phong phú với những muông thú lạ như voi trắng, hươu trắng, chim sẻ trắng, quạ trắng, rùa 3 chân mắt 6 con người; các loại cây quèn thuộc trong hoạt động sản xuất nông nghiệp như bông lúa, cây cau...; con người cũng trở thành vật phẩm địa phương dâng lên chính quyền trung ương. Vật phẩm thể hiện thành ý, cầu chúc sự tốt lành đối với nhà vua, cầu mong sự cai trị anh minh của nhà vua đối với nhân dân.

Thứ năm, tính đặc thù của từng địa phương thể hiện rõ qua hoạt động dâng vật phẩm. Những địa phương có nguồn lợi về khoáng sản như châu Tư Nông nhiều lần dâng vàng, địa phương vùng miền núi thường lựa chọn voi, hươu để nộp lên chính quyền trung ương. Bên cạnh đó, vì yếu tố lịch sử như châu Quảng Nguyên vốn là nơi từng diễn ra cát cứ nên mối liên hệ với chính quyền trung ương bị ngắt quãng qua nhiều đời vua Lý. Do đặc thù địa hình xa xôi so với kinh đô Thăng Long nên chỉ có 1 số địa phương đặc biệt như châu Lạng, châu Hoan, châu Tư Nông, châu Quảng Nguyên, châu Chân Đăng hơn 2 lần được sử liệu biên chép về hoạt động dâng vật phẩm còn đa số các châu, trại, giáp khác chỉ được nhắc đến 1 lần.

Thứ sáu, kết quả nghiên cứu về cống phẩm trong mối quan hệ giữa địa phương với trung ương dưới triều Lý là cơ sở để chúng tôi mở rộng nghiên cứu về cống phẩm trong mối quan hệ giữa vương triều Lý với các quốc gia láng giềng. Từ đó làm rõ nội hàm của hoạt động cống phẩm trong chính sách nội trị và ngoại giao của vương triều Lý (1009-1225).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Khuyết danh, Trần Quốc Vượng dịch, 2005. *Việt sử lược*. Nxb Thuận Hoá – Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [2] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 2004. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1. Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
- [3] Ngô Thì Sĩ, 2011. *Đại Việt sử ký tiền biên*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thu Hiền, 2013. “Sự thành lập triều Nguyên (Trung Quốc) qua một số tác phẩm sử học Việt Nam thời phong kiến”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 2, tr.100-106.
- [6] Phan Huy Lê, 2007. *Phò mã Thân Cảnh Phúc trong kháng chiến chống Tống*, in trong *Lịch sử và văn hoá Việt Nam tiếp cận bộ phận*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.861-870.
- [7] Hoàng Xuân Hãn, 2014. *Lý Thường Kiệt: Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Đỗ Đức Hùng, 2001. *Tổ chức chính quyền và hành chính của nước Đại Việt dưới thời Lý (1009-1225)*. Kí yếu Hội thảo khoa học *Lý Công Uẩn và vương triều Lý*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.183-193.
- [9] Keith W.Taylor, 2002. *Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỉ XI*, in trong *Những vấn đề lịch sử Việt Nam*. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.63-103.
- [10] Nguyễn Quang Ngọc, 2010. *Vương triều Lý*. Nxb Hà Nội.
- [11] Nguyễn Minh Tường, 2015. *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1984)*. Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
- [12] Đào Duy Anh, 2005. *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [13] Đinh Hồng Hải, 2012. *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống Việt Nam*, tập 1. Nxb Tri thức, Hà Nội.

ABSTRACT

The tributation in the relationship between the Central and Local government under the Ly Dynasty (1009 – 1225) through the ancient bibliographic sources in Vietnam

Nguyen Thu Hien^{*1} and Dang Thi Lan Hue²

¹Faculty of History, Hanoi National University of Education

²Mai Hac De High School – Hanoi

The paper focused on studying various manifestations of forms, ways of performing local tributation to the Central government under the Ly Dynasty from 1009 to 1225. The article mainly used the method of statistics, comparison, and evaluation between the ancient bibliographic sources of Vietnam to collect and analyze events which related to tributation issues between the Central government and Localities under the Ly Dynasty. Thereby, we have reproduced, codified the events, and remarked on the impact of tributation in the relationship between the Central and Local governments during the Ly Dynasty. The results of the study expected to bring new perceptions of the tributation activity not only the obligation of the Local government to the Central government, but also an expression of the efforts in the process of building monarchy institutions of the Ly Dynasty simultaneously as well as pointed out the specific characteristics of each locality in relation to the Central government.

Keywords: tributation, the Ly Dynasty, Central government, Local government.